

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-6-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Bà Triệu Thị Thủy Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 122/2022/TLST–HNGĐ ngày 16/5/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Trịnh Thị M** – sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 04, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. *Bị đơn:* anh **Hoàng Văn T** – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 04, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Trịnh Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Văn T kết hôn vào ngày 21/9/2014 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng không tôn trọng nhau dẫn đến thường xuyên cãi chửi. Nay xác định tình cảm không còn, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung Hoàng Huyền S, sinh ngày 16/02/2015, hiện đang ở cùng anh T. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn Hoàng Văn T nhất trí với nội dung mà chị Mùa trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thực tế có mâu thuẫn từ năm 2021, do bất đồng quan điểm sống. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, xác định tình cảm không còn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị Mùa có 01 con chung Hoàng Huyền S, sinh ngày 16/02/2015. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trịnh Thị M và anh Hoàng Văn T kết hôn vào ngày 21/9/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của các đương sự thể hiện quá trình chung sống thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp dẫn đến không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Tại lời khai, chị M và anh T đều xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị Mùa và anh Thân có 01 con chung Hoàng Huyền S, sinh ngày 16/02/2015. Tại lời khai các đương sự đều có đề nghị nếu ly hôn anh Hoàng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, con chung có nguyện vọng ở cùng bố.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con chung cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: chị Trịnh Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Trịnh Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. *Về con chung*: giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Huyền S, sinh ngày 16/02/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Trịnh Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Trịnh Thị M phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0002335 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Mường Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Ninh